

NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh.

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|--|--|
| 1. | <p>Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh Quy chế này được áp dụng để quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP.HCM (gọi tắt là Công ty YTECO). Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty Yteco, góp phần lành mạnh hoá thị trường chứng khoán và nền kinh tế Việt Nam. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty YTECO.</p> | <p>Căn cứ: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh.</p> | <p><i>Sửa đổi phù hợp với quy định hiện hành</i></p> |
| 2. | <p>Điều 2: Giải thích thuật ngữ 1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP.HCM (gọi tắt là Công ty YTECO) có trụ sở tại 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480, thay đổi lần thứ 13 ngày 15/06/2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp. b) “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm: - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;</p> | <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán. 2. Công ty: là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh 3. HĐQT: là Hội đồng quản trị 4. Ứng cử: là tự đề cử 5. BKS: là Ban kiểm soát 6. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam 7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được</p> | <p><i>Sửa đổi phù hợp với quy định hiện hành</i></p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|-----------------------------------|----------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông ; - Đối xử công bằng giữa các Cổ đông; - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty; - Minh bạch trong hoạt động của Công ty; - Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả. <p>c) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán; bao gồm các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân; - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết; - Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó ; - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; - Công ty mẹ, Công ty con; - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia. <p>d) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</p> <p>3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p> | <p>cổ đông ủy quyền)</p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|--|----------------|
| 3. | <p>Điều 3. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:</p> <p>a). Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ Cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>b). Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.</p> <p>Công ty không được hạn chế Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho Cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng Cổ đông khi Cổ đông có yêu cầu.</p> <p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ đông theo quy định của pháp luật, Cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.</p> <p>3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các Cổ đông để đảm bảo:</p> <p>a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;</p> <p>b) Cổ đông được đối xử công bằng.</p> <p>5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty</p> | <p>Bổ vì:</p> <p>1. Điều này đã được quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Ngoài ra, Quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này.</p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|--|--|
| | <p>có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho Cổ đông và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 4. Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định. 2. Công ty có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông; b. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị; d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; e. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; f. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. <p>Điều 5. Những vấn đề liên quan đến Cổ đông lớn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng Quản trị của Công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các Cổ đông lớn. 2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác. | | |
| 4. | <p>Điều 6. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông gồm các nội dung chính như sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông; Căn cứ vào quy định của pháp luật về thời hạn tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty lên kế hoạch cho việc tổ chức Đại hội. Thông báo triệu tập Đại hội phải được thực hiện theo quy định về Công bố thông tin theo quy định của Thị | <p><i>Quy định cụ thể tại Chương 2 – Quy định về tổ chức họp đại hội đồng cổ đông.</i></p> | <p>- Căn cứ Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam</p> <p>- Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16,</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|-----------------------------------|---|
| | <p>trường chứng khoán.</p> <p>b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>c. Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>d. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</p> <p>e. Thông báo kết quả bỏ phiếu;</p> <p>f. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>g. Ghi biên bản Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>h. Lập biên bản Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>i. Thông báo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ra công chúng;</p> <p>j. Các vấn đề khác.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng Cổ đông và bố trí thời gian hợp lý để thảo luận, biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được Cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các Cổ đông theo quy định.</p> <p>4. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng Cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề kiểm toán.</p> <p>5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách tốt nhất.</p> <p>6. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>7. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.</p> | | <p><i>Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Điều lệ Công ty</i></p> <p><i>- Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp</i></p> <p><i>- Căn cứ theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</i></p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|---|---|
| 5. | <p>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; - Hoạt động của Hội đồng Quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành; - Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý; - Các kế hoạch dự kiến trong tương lai. <p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông phải có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Ban kiểm soát; - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông. - | <p><i>Bổ vì quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC không quy định điều này.</i></p> | |
| 6. | <p>Chương III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 9: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. 2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được | <p><i>Quy định cụ thể tại Chương 3 – HĐQT và cuộc họp HĐQT</i></p> | <p>- Căn cứ Điều 21, Điều 25, Điều 26, Điều 30 Điều lệ Công ty - Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|-----------------------------------|--|
| | <p>công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% ược đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho Cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.</p> <p>Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị: Điều lệ Công ty có thể quy định tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị, nhưng các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của Cổ đông.</p> <p>3. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị một Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác.</p> | | <p>- Căn cứ theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|--|----------------|
| | <p>5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.</p> <p>Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó khoảng một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập không điều hành.</p> <p>2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.</p> | | |
| 7. | <p>Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của Cổ đông và của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p>3. Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> | <p>Bổ vì:</p> <p>1. Điều này đã được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Ngoài ra, Quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này.</p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|-----------------------------------|----------------|
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về hoạt động của Công ty. Công ty xây dựng cơ cấu quản trị Công ty đảm bảo Hội đồng Quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. 3. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị; - Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của các nhóm Cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; - Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị; - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp); - Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng Quản trị; - Cách thức biểu quyết; - Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; - Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị; - Thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị; - Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. 4. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|-----------------------------------|----------------|
| | <p>chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát, gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao; - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao; - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao. <p>b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. - Thông báo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát. - Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị; - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. - Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc. - Các vấn đề Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên. <p>5. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và</p> | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|--|---|
| | <p>các cán bộ quản lý.</p> <p>6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.</p> | | |
| 8. | <p>Điều 14. Hợp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> | <p>Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT</p> <p>1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):</p> <p>a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;</p> <p>d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.</p> <p>d. Các hình thức họp khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả</p> | <p>- Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;</p> <p>- Căn cứ Điều 30 Điều lệ Công ty</p> <p>- Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|----------------------------|---|----------------|
| | | <p>hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận; b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp; c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. <p>3. Cách thức biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|----------------------------|---|----------------|
| | | <p>Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi</p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|----------------------------|--|----------------|
| | | <p>phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:</p> <p>a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>5. Ghi biên bản họp HĐQT:</p> <p>a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp; iii. Thời gian, địa điểm họp; iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; viii. Các vấn đề đã được thông qua; | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|---|---|
| | | <p>ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.</p> <p>a. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;</p> <p>b. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;</p> <p>c. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.</p> <p>7. Thông báo nghị quyết HĐQT. Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.</p> | |
| 9. | <p>Điều 15: Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>2. Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p> <p>4. Trường hợp các Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự</p> | <p><i>Quy định cụ thể tại Chương 5 – Tiểu ban trực thuộc HĐQT</i></p> | <p>- Căn cứ theo Điều 31 Điều lệ công ty</p> <p>- Căn cứ theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|--|---|
| 10. | <p>Điều 16: Thư ký Công ty</p> <p>1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng Quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.</p> <p>2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát; - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; - Làm biên bản các cuộc họp; - Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp; - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; <p>3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> | <p><i>Bổ vì: Điều này đã được quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.</i></p> | |
| 11. | <p>Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho Cổ đông.</p> <p>2. Thù lao của Hội đồng Quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.</p> <p>3. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị làm kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Tổng Giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác.</p> <p>4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> | <p>Điều 65. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....</p> <p>3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết</p> | <p>- Căn cứ khoản 2 Điều 158,, Khoản 1 Điều 167 LDN 2014</p> <p>- Căn cứ Điều 28, Điều 43 Điều lệ công ty</p> <p>-- Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|----------------------------|---|----------------|
| | | <p>quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.</p> <p>4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.</p> <p>5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.</p> <p>Điều 66. Khen thưởng</p> <p>1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 65 của Quy chế này.</p> <p>2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.</p> <p>3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..</p> <p>5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 67. Kỷ luật</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa</p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|---|--|
| | | <p>trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> | |
| 12. | <p>Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là Cổ đông của Công ty. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty. <p>Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. <p>Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông | <p><i>Quy định cụ thể tại Chương 4 – Ban kiểm soát</i></p> | <p>- Căn cứ Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều lệ Công ty</p> <p>- Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp</p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|-----------------------------------|----------------|
| | <p>tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng Quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và Cổ đông.</p> <p>2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các Nghị quyết của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.</p> <p>4. Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản</p> | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|---|----------------|
| | <p>lý.</p> <p>5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.</p> <p>Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát</p> <p>Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho Cổ đông.</p> | | |
| 13. | <p>Điều 23. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định</p> | <p>Bổ vì:</p> <ol style="list-style-type: none"> Điều này đã được quy định tại Điều 39, 40 ,41 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này. | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|-----------------------------------|----------------|
| | <p>khác.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.</p> <p>5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá. - Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật. - Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật. - Tổ chức thực hiện. <p>Điều 24. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty</p> | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|--|---|----------------|
| | <p>không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các Cổ đông và những người có liên quan.</p> <p>Điều 25. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty. 2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc: <ol style="list-style-type: none"> a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định; b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát. 3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công ty. | | |
| 14. | <p>Điều 26: Đào tạo về quản trị Công ty</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Giám đốc Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị Công ty tổ chức.</p> | | |
| 15. | <p>Điều 27. Công bố thông tin thường xuyên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư. 2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức | <p><i>Bỏ vì quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC không quy định điều này.</i></p> | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|-----------------------------------|----------------|
| | <p>nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.</p> <p>Điều 28. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty</p> <p>1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng Cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; c. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành; d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng Quản trị; e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty; f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát; g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; h. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty; i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp. <p>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>Điều 29: Công bố thông tin về các Cổ đông lớn</p> <p>1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng Cổ đông gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, năm sinh (Cổ đông cá nhân); | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|-----------------------------------|----------------|
| | <p>b. Địa chỉ liên lạc;</p> <p>c. Nghề nghiệp (Cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (Cổ đông tổ chức);</p> <p>d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;</p> <p>e. Tình hình biến động về sở hữu của các Cổ đông lớn;</p> <p>f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về Cổ đông của Công ty;</p> <p>g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các Cổ đông lớn.</p> <p>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động Cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>Điều 30: Tổ chức công bố thông tin</p> <p>1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;</p> <p>b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.</p> <p>2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.</p> <p>3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:</p> <p>a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;</p> <p>b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các Cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;</p> <p>c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các Cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các Cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các Cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;</p> <p>d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> | | |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|---|--|-----------------------------------|
| 16. | <p>Điều 31: Báo cáo Định kỳ hàng năm, các Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật</p> <p>Điều 32. Giám sát Các Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các Cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 33. Xử lý vi phạm Các Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các Cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> | <p><i>Bỏ vì quy chế mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC không quy định điều này.</i></p> | |
| 17. | <p>Chưa quy định</p> | <p>Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty 1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</p> | <p><i>Sửa đổi cho phù hợp</i></p> |
| 18. | <p>Chưa quy định</p> | <p>Điều 69. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 10 chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.</p> | <p><i>Sửa đổi cho phù hợp</i></p> |

| STT | NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|-----|----------------------------|--|--|
| | | 2. Quy định tại Khoản 3 Điều 27 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019. 3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT. | |
| 19. | Chưa quy định | CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP | - Căn cứ Chương VIII Điều lệ Công ty - Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp |
| 20. | Chưa quy định | CHƯƠNG 7 - QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC | - Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 LDN 2014 - Căn cứ Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP - Căn cứ theo đề mục của Quy chế quản trị Công ty trong Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng các đề mục và quy định phù hợp - Căn cứ Điều 34, Điều 38, Điều 40, Điều 43 Điều lệ Công ty |